

Số: **1603** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13** tháng **5** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng
các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP
ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10 tháng 01 năm 2014 của
Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội quy định về xây dựng và tổ chức
thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 3420/QĐ-NHCS ngày 29 tháng 4 năm 2022 của
Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng
các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01
năm 2022 của Chính phủ năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh
Thành phố tại Tờ trình số 492/TTr-NHCS ngày 05 tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng các chương trình cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ năm 2022 đối với chương trình cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 (theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ) cho các quận, huyện và thành phố Thủ Đức với số tiền là **8.300.000.000 đồng** (Tám tỷ ba trăm triệu đồng) theo bảng phân bổ đính kèm.

Điều 2.

Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các quận, huyện, thành phố Thủ Đức trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện, thành phố Thủ Đức phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được phân bổ tại Quyết định này cho các phường, xã, thị trấn để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3.

Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố chịu trách nhiệm triển khai cân đối vốn; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra giám sát các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách, đảm bảo việc sử dụng vốn trên địa bàn đạt hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, đơn vị nào giải ngân chậm, ảnh hưởng đến tiến độ chung của Thành phố, giao Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu cho vay và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố ngay sau khi thực hiện việc điều chỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các quận, huyện, thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thành viên BDD HĐQT NGCSXH TP;
- UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức;
- VPUB: PCVP/VX, KT;
- Phòng VX, KT;
- Lưu: VT (VX-TC). 39



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Đức



**BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG
CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY ƯU ĐÃI THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 11/SQ-CP NGÀY 30 THÁNG 01 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ**

**Chương trình cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học
ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19
(theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1603 /QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)**

*

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu phân bổ (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4
1	Quận 1	370.000.000	
2	Quận 3	300.000.000	
3	Quận 4	370.000.000	
4	Quận 5	340.000.000	
5	Quận 6	370.000.000	
6	Quận 7	296.000.000	
7	Quận 8	400.000.000	
8	Quận 10	370.000.000	
9	Quận 11	140.000.000	
10	Quận 12	370.000.000	
11	Thành phố Thủ Đức	900.000.000	
12	Quận Tân Bình	440.000.000	
13	Quận Phú Nhuận	490.000.000	
14	Quận Bình Thạnh	370.000.000	
15	Quận Gò Vấp	250.000.000	
16	Quận Bình Tân	370.000.000	
17	Quận Tân Phú	230.000.000	
18	Huyện Hóc Môn	370.000.000	
19	Huyện Củ Chi	370.000.000	
20	Huyện Bình Chánh	370.000.000	
21	Huyện Nhà Bè	444.000.000	
22	Huyện Cần Giờ	370.000.000	
Tổng cộng		8.300.000.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ